

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM TRONG TƯƠNG QUAN VỚI LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VỀ TÔN GIÁO

PGS, TS. NGUYỄN PHÚ LỢI^(*)

Ngày nhận bài: 28/9/2022 Ngày thẩm định: 05/10/2022 Ngày duyệt đăng: 20/10/2022

Tóm tắt: Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến công tác xây dựng chính sách, pháp luật về tôn giáo. Việt Nam hiện đã cơ bản xây dựng được hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đời sống tôn giáo trong nước và quốc tế đang có chuyển biến mạnh mẽ, nảy sinh những yếu tố mới, đòi hỏi chính sách, pháp luật về tôn giáo cần được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hơn. Bài viết trình bày về chính sách, pháp luật ở Việt Nam trong mối tương quan với luật pháp quốc tế, chỉ ra những hạn chế, đề xuất một số giải pháp, kiến nghị để bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu, quyền tự do tôn giáo của nhân dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Từ khóa: chính sách; luật pháp quốc tế; pháp luật; tôn giáo

1. Chính sách, pháp luật của Việt Nam và luật pháp quốc tế về tôn giáo
● - *Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của chính sách, luật pháp Việt Nam trong mối tương quan với luật pháp quốc tế*

Đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin - một học thuyết khoa học, đúng đắn về tự do tôn giáo khi đặt tôn giáo trong quyền con người (nhân quyền), như C.Mác đã khẳng định: “Tự do tín ngưỡng là quyền thực hành bất cứ tín ngưỡng nào... quyền được mộ đạo, được mộ đạo theo bất luận kiểu nào, được hành đạo theo tôn giáo riêng của mình. Đặc quyền tín ngưỡng là một quyền phổ biến của con người”⁽¹⁾, nên

ngay từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1945), với sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra đường lối, chính sách đúng đắn về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo tinh thần: “Tín ngưỡng tự do, Lương Giáo đoàn kết”. Điều đó được thể hiện trong Hiến pháp năm 1946: “Tự do tín ngưỡng” (Điều 10), Hiến pháp năm 1959: “Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có các quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào” (Điều 26). Đặc biệt, Sắc lệnh số 234/SL ngày 14/6/1955 chỉ rõ: “Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào” (Điều 1), phù hợp với luật pháp quốc tế (Điều 18 Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về quyền dân

^(*)Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

sự và chính trị năm 1966). Hiến pháp năm 1992 khẳng định: “Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 70).

Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều văn bản chính sách, pháp luật về tôn giáo phù hợp với tình hình tôn giáo trong nước và các công ước, điều khoản của luật pháp quốc tế mà Việt Nam cam kết. Tinh thần đổi mới ấy đã tạo nên bước chuyển quan trọng từ quản lý hành chính, vận động chính trị sang quản lý tôn giáo bằng pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tiếp thu tinh thần của Sắc lệnh 234/SL, Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng nội hàm khái niệm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, thay cụm từ “mọi công dân” (quyền công dân) (Hiến pháp năm 1992), bằng cụm từ “mọi người” (quyền con người) theo luật pháp quốc tế. Cụ thể hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong Hiến pháp năm 2013⁽²⁾, Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 ghi: “1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. 2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo; 3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. 4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác”. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được mở rộng cho cả những “người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc”, và người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Điều 6, Điều 8)⁽³⁾.

Nội dung quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong Hiến pháp, pháp luật Việt Nam cơ bản có sự tương thích, phù hợp với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo luật pháp quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (Việt Nam gia nhập năm 1982), ghi: “1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền tự do này bao gồm việc tự do có hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do thể hiện tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong tập thể với nhiều người khác, một cách công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và giảng đạo”⁽⁴⁾. Điều 9 Công ước châu Âu về Nhân quyền (ECHR) cũng khẳng định: “1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo; quyền này bao gồm quyền tự do thay đổi tôn giáo, tín ngưỡng và quyền tự do thể hiện tôn giáo, tín ngưỡng của mình thông qua hành vi thờ phụng, thuyết giảng, thực hành và tuân thủ giáo luật một mình hoặc với một nhóm, ở nơi riêng tư hoặc nơi công cộng”⁽⁵⁾.

- Giới hạn định của quyền tự do tôn giáo trong luật pháp ở Việt Nam và quốc tế

Trong luật pháp quốc tế cũng như của các quốc gia, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không phải là tự do tuyệt đối, tự do vô chính phủ. Tự do tín ngưỡng phải tôn trọng và không ảnh hưởng đến các quyền công dân, đến quyền tự do của người khác, đặc biệt không được ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội. Chính vì vậy, để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và ổn định, phát triển xã hội, Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm: “1. Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. 2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo. 4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo: a) Xâm phạm quốc

phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; b) Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; c) Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; d) Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. 5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi”⁽⁶⁾.

Những quy định về hạn chế quyền tự do tôn giáo trong luật pháp tôn giáo của Việt Nam nêu trên phù hợp, tương thích với luật pháp quốc tế về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Khoản 3 Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc (năm 1966), ghi: “Quyền tự do thể hiện tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi những quy định pháp luật và khi những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng hoặc những quyền và tự do cơ bản của người khác”⁽⁷⁾. Điều đó cũng được Công ước châu Âu về Nhân quyền thừa nhận. Điều 9 của Công ước này ghi: “2. Quyền tự do thể hiện tôn giáo, tín ngưỡng của một người chỉ bị luật pháp giới hạn nếu điều đó là cần thiết trong một xã hội dân chủ, phục vụ an ninh công cộng, bảo vệ trật tự trị an, sức khỏe, chuẩn mực đạo đức chung hoặc các quyền và sự tự do của người khác”⁽⁸⁾. Luật pháp của nhiều nước trong khi khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng chế định quyền ấy sẽ bị hạn chế vì trật tự công cộng, an ninh quốc gia. Chẳng hạn, Luật Phân ly - 1905 của Cộng hòa Pháp quy định: “Cộng hòa Pháp bảo đảm tự do hành đạo với những hạn chế vì quyền lợi duy trì trật tự công cộng”⁽⁹⁾. Như vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải có giới hạn, quyền ấy sẽ bị hạn chế vì an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội.

- Phương thức công nhận tổ chức pháp nhân tôn giáo theo mô hình “đăng ký”

Mỗi quốc gia đều có cách thức quản lý hoạt động tôn giáo phù hợp với truyền thống và thực tế của mình, trong đó quản lý hoạt động tôn giáo thông qua con đường đăng ký là một hình thức phổ biến, thích hợp và hiện thực ở nhiều quốc gia trên thế giới (như Pháp, Bungari, Ba Lan, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc...), trong đó có Việt Nam. Theo đó, mỗi quốc gia có những yêu cầu về điều kiện và thể thức việc đăng ký xem xét tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo. Có quốc gia xem việc đăng ký pháp nhân của tổ chức tôn giáo thuộc vấn đề ở cấp quốc gia, như Ba Lan, Nga, Italia, Đức, Latvia; có quốc gia chỉ ở cấp hội đồng tỉnh, thành phố (Bungari). Về điều kiện có sự khác biệt giữa các nước, trong đó yếu tố thời gian tồn tại, số lượng, cơ sở tài sản tôn giáo, nhân sự, khả năng tài chính..., là những tiêu chí cơ bản⁽¹⁰⁾. Việt Nam lựa chọn mô hình quản lý theo hình thức “đăng ký” và phân cấp chủ thể cấp đăng ký theo phạm vi hoạt động của tôn giáo là hợp lý và phù hợp với điều kiện Việt Nam. Luật pháp Việt Nam đưa ra những tiêu chí cụ thể để công nhận tổ chức tôn giáo chứ không phải để cản trở tự do tôn giáo. Theo đó, mọi tôn giáo nếu bảo đảm những điều kiện đó đều được công nhận, khác với một số quốc gia chỉ thừa nhận một số tôn giáo chủ yếu⁽¹¹⁾. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định, ngoài những điều kiện về thời gian (giảm từ 23 năm theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo xuống còn 05 năm), nhân sự, địa điểm hợp pháp, còn có yêu cầu về hiến chương, điều lệ, tôn chỉ mục đích. Luật còn phân cấp quản lý (Trung ương và địa phương) theo phạm vi hoạt động của tổ chức tôn giáo. Bởi lẽ, tổ chức tôn giáo ở Việt Nam rất đa dạng, có tôn giáo phạm vi hoạt động trên khắp cả nước và quốc tế, như Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài; có tôn giáo phạm vi hoạt động chỉ trong một khu vực, như Phật giáo Hòa Hảo, Balamôn giáo,

có tôn giáo thuộc loại nhóm nhỏ, như Minh sư đạo, Minh lý đạo, Bửu sơn Kỳ hương, Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn, Mặc Môn, đạo Baha'i (ở Việt Nam); có tôn giáo có nhiều tổ chức, hệ phái khác nhau, như Cao Đài, Tin lành... Do đó, cơ chế công nhận và quản lý hoạt động của tổ chức tôn giáo theo hình thức đăng ký dựa trên quy mô hoạt động của tôn giáo là phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam, cũng giống như nhiều quốc gia khác và được luật pháp quốc tế thừa nhận (tính đặc thù).

- Quyền tự quản của các tôn giáo được pháp luật thừa nhận

Ngay từ Sắc lệnh số 234/SL Nhà nước Việt Nam đã khẳng định: “Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo” (Điều 13), các tôn giáo được tham gia hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội và “mở trường tư thực”. Khi bước vào thời kỳ đổi mới, chính sách, pháp luật của Việt Nam tiếp tục có sự mở rộng quyền tự quản của các tôn giáo. Nhà nước xác định quyền tự quản của các tôn giáo thông qua hiến chương, điều lệ và luật pháp của nhà nước trên tinh thần không can thiệp vào công việc nội bộ của tôn giáo. Đồng thời, xác định các tôn giáo được phép tham gia công tác xã hội hóa trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp luật.

- Về đất đai, cơ sở thờ tự

Thực hiện trên tinh thần pháp luật bảo hộ các cơ sở của các tôn giáo đã được nhà nước công nhận. Theo đó, nhà nước giao (cấp) đất cho các tôn giáo sử dụng lâu dài, không thu tiền, không thu thuế, nhưng “không được chuyên đôi, chuyên nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng đất; không được thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất” (Điều 117 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 155 Luật Đất đai năm 2013). Trên tinh thần Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo trong tình hình mới,

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao đã tháo gỡ với quy định: “Nhà nước thực hiện giao đất có hạn mức không thu tiền sử dụng đất đối với đất sử dụng làm cơ sở thờ tự, trụ sở của các tổ chức tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo sử dụng đất vào mục đích khác phải trả tiền thuê đất cho Nhà nước theo quy định của pháp luật”⁽¹²⁾. Điều đó đã mở ra hướng đi mới, tạo điều kiện cho các tôn giáo mở rộng không gian hoạt động ngoài phạm vi tôn giáo của mình.

Luật pháp của Việt Nam cũng quy định về hoạt động xã hội, hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài, đối ngoại tôn giáo, việc thanh tra, kiểm tra, khiếu tố, khiếu nại có liên quan đến hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo.

2. Thực trạng chính sách, pháp luật về tôn giáo

*** Những thành tựu đạt được**

- Việt Nam đã cơ bản xây dựng được một hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo luật pháp quốc tế

Cho đến nay, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống pháp luật liên quan đến tự do tôn giáo, từ Hiến pháp năm 2013 đến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Với sự ra đời của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Việt Nam cơ bản đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tôn giáo làm công cụ pháp lý cho việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; là một trong số ít quốc gia ban hành luật riêng về tôn giáo (trên thế giới có hơn 20 quốc gia ban hành luật riêng về tôn giáo).

- Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được pháp luật bảo hộ và được thực hiện trong thực tiễn

Điều này thể hiện rõ về số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo

không ngừng gia tăng, đời sống tâm linh, sinh hoạt tôn giáo diễn ra sôi động. Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ, số lượng tín đồ, chức sắc tôn giáo không ngừng tăng lên. Năm 1997, cả nước có trên 15 triệu tín đồ, chiếm hơn 20% dân số, đến năm 2021, số tín đồ của 41 tổ chức tôn giáo đã được công nhận tăng lên 27 triệu người, chiếm trên 27,7% dân số. Bên cạnh đó, có hơn 200 ngàn người thuộc 70 nhóm Tin lành tự gia và trên 30 ngàn người thuộc hơn 60 hiện tượng tôn giáo mới (đạo lạ), chưa đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung. Ngoài ra, đại đa số người Việt Nam có đời sống tâm linh, theo tín ngưỡng đa thần truyền thống. Người Việt Nam ít theo tôn giáo (27% dân số theo tôn giáo, trong khi 84,5% dân số thế giới theo tôn giáo), nhưng đa số người Việt Nam (trên 75% người Việt, trên 80% người dân tộc thiểu số) theo tín ngưỡng đa thần truyền thống. Đó là điểm khác biệt so với các quốc gia phương Tây hay quốc gia theo tôn giáo độc thần (Kitô giáo, Islam giáo)⁽¹³⁾.

Các tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân ngày càng nhiều và tiếp tục gia tăng. Trước năm 1990, Nhà nước mới công nhận ba tổ chức, gồm Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) (năm 1958), Hội đồng Giám mục Việt Nam (năm 1980), Giáo hội Phật giáo Việt Nam (năm 1981). Từ năm 1990 đến năm 2004 (trước khi có Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo): có 06 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Islam giáo (Hồi giáo), 12 tổ chức tôn giáo được công nhận; từ năm 2004 đến năm 2017 (thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo) có 15 tôn giáo, 37 tổ chức tôn giáo được công nhận; từ 2018 đến năm 2021 thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo: 01 tổ chức tôn giáo được công nhận, 03 tổ chức tôn giáo được cấp đăng ký hoạt động⁽¹⁴⁾. Đến năm 2022, cả nước có 16 tôn giáo với 43 tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân hay đăng ký hoạt động, hàng trăm tổ chức tôn giáo trực thuộc, với 3.803 điểm nhóm đã

được cấp giấy đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung. Sau khi được công nhận tư cách pháp nhân hay cấp đăng ký sinh hoạt, các tổ chức tôn giáo đẩy mạnh hoạt động, tích cực củng cố tổ chức giáo hội, đào tạo chức sắc, xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ. Công tác đào tạo chức sắc được các tổ chức tôn giáo quan tâm. Trước năm 1990, cả nước chỉ có 06 cơ sở đào tạo tôn giáo (Phật giáo: 02, Công giáo: 04). Đến năm 2022, cả nước có 63 cơ sở đào tạo người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp (Phật giáo: 46; Công giáo: 11; Tin lành: 03; Cao Đài: 02; Phật giáo Hòa Hảo: 01), mỗi năm có hàng nghìn người tốt nghiệp. Năm 2021, cả nước có 8.884 người tốt nghiệp ra trường, 13.350 người đang theo học. Ngoài ra, còn có hàng trăm người đang tu học tại nước ngoài. Nhờ vậy, số chức sắc, nhà tu hành tăng rất nhanh (từ 31.548 người năm 1995, lên 54.125 người năm 2021). Ngoài ra còn có đội ngũ nhà tu hành đông đảo (riêng Phật giáo hiện có 54.000 tăng, ni; Công giáo có 6.000 giáo sĩ, 31.000 tu sĩ). Cả nước hiện có trên 108.770 chức sắc, nhà tu hành, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hướng dẫn việc đạo cho tín đồ⁽¹⁵⁾.

Công tác xây dựng cơ sở thờ tự được các tôn giáo coi trọng, đẩy mạnh. Từ năm 1990 đến nay, cơ sở thờ tự được xây dựng, sửa chữa ở khắp nơi trong cả nước nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của nhân dân. Năm 2000, cả nước có 18.474 cơ sở thờ tự của các tôn giáo, đến năm 2021 tăng lên 30.047 cơ sở, tăng 11.573 cơ sở trong 20 năm, bình quân mỗi năm có thêm 579 cơ sở thờ tự. Hầu hết các cơ sở thờ tự được xây dựng sửa chữa khang trang to lớn, có công trình lên hàng chục, thậm chí hàng trăm tỷ đồng. Chính quyền địa phương quan tâm giải quyết, cấp đất cho các tổ chức tôn giáo xây dựng cơ sở tôn giáo. Chính quyền thành phố Đà Nẵng cấp hơn 10.000 m² mở rộng Tòa Giám mục Đà Nẵng; 5.000 m² xây dựng trụ sở Hội Truyền

giáo Cơ Đốc Việt Nam; chính quyền thành phố Cần Thơ cấp 11 ha xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; chính quyền tỉnh Quảng Trị cấp thêm 15 ha mở rộng khuôn viên trung tâm hành hương Đức Mẹ La Vang; chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế cấp 10 ha xây dựng thiền viện Bạch Mã; chính quyền thành phố Hải Phòng cấp 10.000 m² xây dựng nhà hưu dưỡng cho các linh mục, tu sĩ của Giáo phận Hải Phòng; chính quyền tỉnh Ninh Bình cấp 15.000 m² xây dựng Trung tâm mục vụ của Giáo phận Phát Diệm; chính quyền tỉnh Đắk Lắk giao hơn 11.000 m² cho Tòa Giám mục Buôn Mê Thuột; chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh giao đất cho Tòa tổng giám mục Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng trung tâm mục vụ. Chỉ tính riêng Phật giáo trong thời gian gần đây đã được cấp rất nhiều đất: Thiền viện Trúc Lâm Phú Lâm (Quảng Nam): 19,5 ha, chùa Ba Vàng (Quảng Ninh): 21 ha (trong quy hoạch 123 ha), chùa Giám (Nghệ An): 30 ha, Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp (Tuyên Quang): 40 ha; quần thể chùa Bái Đính (Ninh Bình): 539 ha; quần thể chùa Tam Trúc (Hà Nam): 5.100 ha...⁽¹⁶⁾; các tôn giáo còn tích cực in ấn, xuất bản, dịch thuật một khối lượng khổng lồ kinh sách, đồ dùng việc đạo. Từ năm 2018 - 2020, Nhà xuất bản Tôn giáo đã cấp quyết định xuất bản 1.457 xuất bản phẩm với 5,47 triệu bản in, riêng Công giáo và đạo Tin lành đã in 01 triệu bản Kinh thánh. Đến năm 2020, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đã có 01 kênh truyền hình (An viên), 15 tờ báo và tạp chí đang hoạt động, trong đó có tờ báo, tạp chí có uy tín, như Khuông Việt, Nghiên cứu Phật học, Văn hóa Phật giáo, Phật giáo Nguyên thủy, Giác ngộ (Phật giáo); Hiệp thông, Công giáo và Dân tộc, Người Công giáo Việt Nam (Công giáo); Mục vụ, Thông công (đạo Tin lành), Hương Sen (Phật giáo Hòa Hảo), Cao Đài (đạo Cao Đài)⁽¹⁷⁾.

Hoạt động đối ngoại tôn giáo được mở rộng, diễn ra sôi động. Các tôn giáo ở Việt Nam đã tổ chức nhiều hội nghị quốc tế và khu vực,

như Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ba lần đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak (năm 2008, năm 2014, năm 2019), Giáo hội Công giáo Việt Nam tổ chức Hội nghị Liên hội đồng các Giám mục châu Á (năm 2012)...

* Một số hạn chế, bất cập

- *Còn tình trạng nội dung của chính sách, pháp luật chưa tương thích với luật pháp, điều ước quốc tế về quyền con người và quyền tự do tôn giáo.* Thí dụ, Điều 18 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (Việt Nam gia nhập năm 1982), cũng như Điều 9 của Công ước châu Âu về Nhân quyền (năm 1950) chỉ giới hạn (hạn định) quyền tự do tôn giáo của người dân với 05 tiêu chí: 1) bảo vệ an toàn (an ninh); 2) trật tự công cộng; 3) sức khỏe; 4) đạo đức và 5) quyền tự do của người khác. Thậm chí, luật pháp của Cộng hòa Pháp chỉ quy định có 01 tiêu chí là hoạt động tôn giáo sẽ bị hạn chế khi ảnh hưởng đến trật tự công cộng mà thôi. Trong khi đó, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 của Việt Nam tại Điều 5 quy định về việc giới hạn quyền tự do tôn giáo của người dân ở 08 tiêu chí: 1) phân biệt đối xử; 2) ép buộc, mua chuộc, cản trở theo, không theo tôn giáo; 3) xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; 4) xâm phạm quốc phòng - an ninh, chủ quyền, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; 5) đạo đức xã hội, danh dự, nhân phẩm người khác; 6) cản trở thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; 7) chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo; 8) lợi dụng hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng để trục lợi. Trong 08 tiêu chí nêu trên, một số điều khoản trừu tượng, chung chung, mang tính định hướng, nên khó có tính khả thi. Chẳng hạn, thế nào là hoạt động tôn giáo trục lợi?; thế nào là xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo?; thế nào là cản trở quyền và nghĩa vụ công dân (quyền hiến máu, thi thể sau khi chết)?

- *Việc sinh hoạt tôn giáo nơi công cộng chưa được quy định rõ ràng.* Điều 18 Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới (năm 1948) quy định: Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng,

lượng tâm và tôn giáo, tự do một mình hoặc cùng cộng đồng (tập thể) và ở nơi riêng tư hay công cộng thể hiện tín ngưỡng, tôn giáo của mình trong giảng dạy, thực hành, thờ cúng và tham dự nghi lễ. Nghĩa là, người dân có quyền bày tỏ và thực hành đức tin tại nơi công cộng. Trong khi đó, khoản 4 Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 của Việt Nam quy định: Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện nghi lễ tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác. Địa điểm hợp pháp được khoản 15 Điều 2 Luật này định nghĩa là “đất, nhà ở, công trình mà tổ chức hoặc cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật”. Như vậy, mặc dù không cấm, nhưng chưa thật rõ ràng trong việc cho phép một cá nhân hay tổ chức tôn giáo có quyền bày tỏ niềm tin tôn giáo của mình nơi công cộng hay không.

Điểm khác biệt trong pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam so với thế giới, là tài sản thuộc sở hữu của tôn giáo (chùa chiền, thánh thất, nhà thờ, tiền bạc, thu nhập do sản xuất, kinh doanh, do nhận cung tiến, hiến tặng), không đánh thuế thu nhập và thuế sử dụng đất. Chính vì vậy, rất khó quản lý tài sản của tôn giáo⁽¹⁸⁾.

- Chính sách, pháp luật về tôn giáo còn có quy định rườm rà, nặng về thủ tục hành chính

Chính sách, pháp luật về tôn giáo vẫn hướng đến việc chính quyền giám sát, can thiệp vào hoạt động nội bộ của tổ chức tôn giáo, nhiều hoạt động của tổ chức tôn giáo phải báo cáo và có sự phê chuẩn của chính quyền, như các cá nhân, tổ chức tham gia sinh hoạt tôn giáo hay khóa đào tạo ở nước ngoài phải có hồ sơ đề nghị, thực chất là phải xin phép và phải được chấp thuận (hiện có 23/53 thủ tục dưới dạng đề nghị, mà chỉ có 13 thủ tục thông báo)⁽¹⁹⁾. Đề nghị, thực chất là phải xin phép và phải được chấp thuận; các tôn giáo vẫn phải gửi bản danh mục hoạt động tôn giáo thường xuyên; các hội nghị, đại hội diễn ra hàng năm và mọi thay đổi

đều phải chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong khi các quy định, cam kết của chính quyền về việc đảm bảo quyền tự do tôn giáo thì thường chung chung.

Các tổ chức, cá nhân tôn giáo còn gặp nhiều khó khăn trong các thủ tục hành chính và các quyền thể nhân, pháp nhân liên quan đến sở hữu đất đai, tài sản, đăng ký hoạt động xã hội dù không dựa trên không gian và cấu trúc của họ⁽²⁰⁾.

- Một số nội dung chính sách, pháp luật về tôn giáo chưa phù hợp với đời sống tôn giáo. Một số quy định trong chính sách, pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn hoặc khó thực hiện. Hiện chưa có quy định về việc phục hồi và hình thành cơ sở tín ngưỡng mới; cơ sở (điện, phủ) thờ Mẫu tại tư gia; hiện tượng tôn giáo mới; truyền giáo, giảng đạo qua mạng; thời gian đăng ký sinh hoạt điểm nhóm tập trung; điều kiện người nước ngoài đăng ký sinh hoạt tập trung; thay đổi địa điểm, người đại diện.

- Một số từ ngữ giải thích trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 chưa cụ thể, rõ nghĩa, khó hiểu, khó thực hiện, như chức sắc, chức việc, tổ chức tôn giáo trực thuộc, địa điểm hợp pháp. Một số quy định chưa phù hợp với thực tế, như Điều 34 của Luật về đăng ký nhân sự, người được bổ nhiệm, suy cử làm chức việc quy định các tổ chức tôn giáo phải gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không phù hợp với một số hội thánh Tin lành, cộng đồng tinh thần tôn giáo Baha'i (quy định của các tổ chức này là bầu cử dựa trên nguyên tắc dân chủ, lấy phiếu tín nhiệm công khai, trực tiếp tại đại hội, không dự kiến trước nhân sự đề bầu).

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số quy định trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 khó thực hiện trong thực tế. Chẳng hạn, Điều 16 quy định, những người theo tôn giáo không thuộc tổ chức tôn giáo hay tổ chức tôn giáo được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, phải có giáo lý,

giáo luật, nhưng lại giao cho ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và thẩm định, trả lời hồ sơ đăng ký trong 20 ngày làm việc là bất hợp lý và không có tính khả thi.

- *Việc áp dụng một số quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có liên quan đến các văn bản luật chuyên ngành khác* (đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội, cư trú, xuất bản, di sản văn hóa), gặp khó khăn. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định các tổ chức tôn giáo được tham gia hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong khi các luật có liên quan (giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội) lại không đề cập đến tổ chức tôn giáo hay tổ chức tôn giáo trực thuộc, trong khi có tổ chức xã hội. Chẳng hạn, phần xã hội hóa của Luật Giáo dục năm 2019 quy định có cơ sở giáo dục dân lập, tư thục mà không có tổ chức tôn giáo nên rất khó áp dụng. Vậy, tổ chức tôn giáo thuộc loại nào?

- *Bất cập trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 so với các luật khác là vấn đề đất đai, cơ sở thờ tự, xây dựng.* Đó là vấn đề giao đất, nhưng không có quyền mua bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, trong khi Luật xác định tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại. Phân định thế nào về các cơ sở có đa chức năng, vừa tâm linh, vừa kinh doanh, dịch vụ; vấn đề thuê tôn giáo ra sao? Luật Xây dựng năm 2014 không quy định cụ thể về tượng, tượng đài thuộc các công trình tôn giáo.

3. Một số kiến nghị

Tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam rất đa dạng, phong phú và ngày càng có xu hướng phát triển mạnh mẽ. Quá trình hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, sự giao lưu về kinh tế, văn hóa, xã hội và tôn giáo, đời sống tôn giáo đang nảy sinh nhiều vấn đề mới mẻ đòi hỏi phải có sự điều tiết bởi pháp

luật về tôn giáo. Để nâng cao nhận thức xã hội về chính sách tôn giáo và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tôn giáo, cần chú ý **một số kiến nghị** sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về pháp luật và tình hình tự do tôn giáo ở nước ta cho toàn dân và cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn. Tuyên truyền để cộng đồng quốc tế, chính quyền các cấp nắm rõ và hiểu đúng chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo, góp phần thực hiện đúng chính sách, pháp luật về tôn giáo. Đa dạng hóa công tác truyền thông, kịp thời và nâng cao chất lượng của công tác phổ biến chính sách, pháp luật về tôn giáo. Cần kiểm tra, giám sát và đưa hoạt động tôn giáo trên mạng xã hội, internet vào quản lý nhà nước.

Hai là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho phù hợp với tình hình thực tế trong nước và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Trước mắt, cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, tiến tới bổ sung, chỉnh sửa Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Trong đó, chú ý đến chỉnh sửa các điều chưa phù hợp, bổ sung những hoạt động đã có, như bổ sung vấn đề phục hồi, hình thành tín ngưỡng mới, hiện tượng tôn giáo mới, địa điểm hợp pháp, phiếu lý lịch tư pháp; chỉnh sửa những điều không còn phù hợp.

Đối với các *hiện tượng tôn giáo mới*, trên tinh thần mọi tổ chức tôn giáo đều đặt dưới sự quản lý của nhà nước, cần rà soát lại, phân loại cụ thể. Đối với những hiện tượng tôn giáo đã có thời gian tồn tại lâu dài (20 năm - 30 năm), phạm vi hoạt động rộng ở nhiều tỉnh, thành, thật sự trở thành nhu cầu của quần chúng, hoạt động ổn định, không vi phạm Điều 5 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 có thể xem xét cho đăng ký hoạt động theo Điều 11 (hoạt động tín ngưỡng), hoặc khoản 2 Điều 16. Đối với các điểm

nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung cần giao cho cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh cấp giấy đăng ký sinh hoạt.

Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Các quy định của pháp luật về giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo cần bổ sung thêm “tổ chức tôn giáo” bên cạnh các tổ chức khác; không nên gộp vì rất khó thực thi trong thực tế. Nên quy định các cơ sở giáo dục do các tổ chức tôn giáo thành lập vào loại “trường tư thục”, như Sắc lệnh số 234/SL đã xác định. Cần phân loại cơ sở tôn giáo, cơ sở có liên quan đến tôn giáo, nhất là các cơ sở có liên quan đến doanh nghiệp xây dựng khu du lịch tâm linh, khu công nghiệp, sản xuất (có xây dựng cơ sở thờ tự). Trong đó, các cơ sở thờ tự, trụ sở của các tổ chức tôn giáo được giao đất có hạn mức, không thu tiền thuê, cần có quy hoạch đất tôn giáo, tín ngưỡng, nên đưa đất tôn giáo vào diện quy hoạch ở cấp huyện sẽ hợp lý hơn.

Ba là, quán triệt nâng cao nhận thức cho hệ thống chính trị về quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo; nghiêm túc chấp hành đúng chính sách, pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Cần ổn định, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp. Định kỳ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, bổ sung, phát triển lý luận của Đảng về tôn giáo ngày càng sâu sắc hơn, đáp ứng với yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới □

(3) và (6) Ban Tôn giáo Chính phủ, *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2020, tr.10-11 và 10-11

(4) và (7) Trung tâm Nghiên cứu quyền con người, Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Văn kiện quốc tế về quyền con người*, Hà Nội, 2000, tr.212 và 212

(5) (8) và (9) W, Cole Durham, JR. - Brett G, Scharffs, *Luật pháp và tôn giáo tiếp cận so sánh quốc gia, quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, tr.141, tr.141-142 và tr.223

(10) Có quốc gia yêu cầu thời gian hoạt động, như Bỉ (31 năm), Nga (15 năm); có quốc gia yêu cầu số lượng tín đồ, như Ba Lan (ít nhất 100 người); Latvia (15 người); Nga (10 người từ 18 tuổi trở lên)

(11) Trung Quốc chỉ công nhận 05 tôn giáo (Đạo giáo, Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Islam giáo (Hồi giáo); Indonesia chỉ thừa nhận 06 tôn giáo (Islam giáo, Phật giáo, Ấn giáo, Tin lành, Công giáo, Không giáo); Nga chỉ thừa nhận 04 tôn giáo “truyền thống” (Chính Thống giáo, Islam giáo, Do Thái giáo, Phật giáo)...

(12) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao, Ban Tuyên giáo Trung ương, Các văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nxb Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2022, tr.22

(13) và (15) Ban Tôn giáo Chính phủ, *Thống kê tôn giáo Việt Nam tính đến ngày 30/11/2021*

(14) Nguyễn Thanh Xuân, *Tôn giáo và chính tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2020, tr.428-433

(16) và (17) Nguyễn Phú Lợi, *Sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2022, tr.436-438 và tr.438-439.

(18) và (20) Lê Văn Lợi (Chủ biên), *Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018, tr.124-125 và 125

(19) Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, quy định các tổ chức tôn giáo phải có các đề nghị gửi cấp có thẩm quyền, như thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, công nhận tổ chức tôn giáo, thay đổi tên, trụ sở, thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo; chia tách, giải thể, hội nghị, đại hội; cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở đăng ký; việc sinh hoạt tôn giáo, phong phẩm, bổ nhiệm, đào tạo có yếu tố nước ngoài...

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.548 - 549

(2) Điều 24 Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: “1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”